

Số: /KH-MNTN

Thanh Nưa, ngày 12 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Phát triển nhà trường năm học 2025 – 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ chính trị, pháp lý

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2025 của Bộ GD&ĐT Ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 của ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ- UBND, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thanh Nưa Quyết định Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Thanh Nưa;

Căn cứ Quyết định số: 336/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên v/v điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc huyện Điện Biên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số: 527/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên v/v giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo các xã thuộc huyện năm 2025 (năm học 2025-2026);

Căn cứ Quyết định số: 28/QĐ-PGDĐT ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên v/v giao chỉ tiêu phát triển Giáo dục và Đào tạo năm 2025 (năm học 2025 - 2026);

Căn cứ Kế hoạch số: 2615/KH-SGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên về thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Kế hoạch số: 2224/KH-SGDĐT ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên về Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong ngành Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2611/SGDĐT-QLĐT ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên V/v hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với công tác học sinh, sinh viên;

Căn cứ Công văn số 2627/CV-SGDĐT ngày 30/8/2025 của Sở GD&ĐT v/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác kế hoạch và tài chính năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số: 1584/HD-SGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng năm học 2025 -2026;

Căn cứ Công văn số 44/CV-PVHXXH ngày 10/9/2025 của Phòng Văn hóa – Xã hội xã Thanh Nưa v/v triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học năm học 2025-2026;

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Thực trạng phát triển GD của nhà trường năm học 2024 - 2025

2.1.1. Những kết quả đạt được

a) Huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp và duy trì số lượng trẻ

Thực hiện tốt công tác huy động trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp theo chỉ tiêu, kế hoạch được giao, cụ thể:

- Số lớp: 10 lớp, trong đó: nhà trẻ 4 lớp, mẫu giáo 7 lớp.

- Số học sinh: 246 trẻ trong đó: trong đó: nhà trẻ 68 trẻ; mẫu giáo 178 trẻ. Huy động số lượng trẻ so với chỉ tiêu được giao: nhà trẻ 68/70 đạt 97,1%; mẫu giáo 178/180 đạt 98,9%. Không có học sinh bỏ học, học sinh đi học không chuyên cần.

- Tỷ lệ huy động trẻ mầm non ra lớp (số trẻ 0-5 tuổi/dân số 0-5 tuổi): 300/360 cháu đạt 83,3% tăng 0,4% với năm học trước¹, trong đó: trẻ nhà trẻ huy động 79/139 đạt tỷ lệ 56,8%, vượt 3,0% chỉ tiêu giao, mẫu giáo huy động 221/221 trẻ đạt 100% chỉ tiêu giao.

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc – giáo dục trẻ

** Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc*

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho 100% số trẻ học tại trường. Phối hợp với trạm y tế xã Thanh Nưa khám chuyên khoa, tiêm chủng phòng bệnh cho 100% số trẻ. Tổ chức cho 100% số trẻ ăn bán trú tại trường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 1,6% (giảm 0,9% so với chỉ tiêu giao là 2,5); tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 2,0% (giảm 1,1% so với chỉ tiêu giao là 3,1)².

** Chất lượng giáo dục*

¹ Trẻ từ 03 tháng đến 36 tháng tuổi: 79/139 đạt tỷ lệ 56,8%; trong đó: học tại địa bàn: 62 trẻ, học nơi khác: 17 trẻ; tỷ lệ huy động tăng 3,0% so với năm học trước, tăng 3,3% so với chỉ tiêu được giao. Trẻ 3-5 tuổi: 221/221 cháu đạt tỷ lệ 100%, trong đó: học tại địa bàn: 157 trẻ; trẻ đi học nơi khác: 64 trẻ; tỷ lệ huy động bằng năm học trước, đạt 100% chỉ tiêu được giao.

² Cân nặng: Kênh bình thường: 242/246 cháu đạt 98,4%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 4/246 trẻ chiếm 1,6%; chiều cao: Kênh bình thường: 241/246 cháu đạt 98%; suy dinh dưỡng thể thấp còi: 5/246 trẻ chiếm 2,0%; Chiều dài/chiều cao: Kênh bình thường: 153/153 đạt 100%; BMI đối với trẻ từ 61 tháng tuổi trở lên: 93/93 trẻ đạt 100%; thừa cân, béo phì: không.

Thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục nhà trường với 100% số trẻ học 2 buổi/ngày. Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm”, giáo dục tích hợp Stem/Steam; tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng thực hành, trải nghiệm và sáng tạo; các nội dung giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, với địa phương.

- Kết quả đánh giá trẻ theo các mục tiêu phát triển cuối độ tuổi: 231/246 đạt 93,9%. Số trẻ đạt "bé khỏe- Bé ngoan": 198/246 đạt 80,5%.

- Đã triển khai chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo 4, 5 tuổi trên tinh thần tự nguyện và nhu cầu của phụ huynh gồm 03 lớp với 78 trẻ.

- Nhà trường đã tổ chức Hội thi " Ươm mầm tài năng nhí" cấp trường: có 10/10 lớp tham gia với 30 nội dung đạt giải. Tham gia Hội thi "Ươm mầm tài năng nhí" cấp cụm đạt kết quả cao với 01giải nhất, 02 giải nhì; có 02 nội dung được chọn công diễn cấp huyện.

c) Chất lượng đội ngũ giáo viên

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu; 100% CBQL, GV có trình độ đào tạo đạt trên chuẩn; 100% CBQL, GV tham gia và hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên để đáp ứng yêu cầu về chất lượng; có 19/20 giáo viên dạy giỏi các cấp đạt 95%³. Có 22/22 CBQL, GV giáo viên tự xếp loại theo chuẩn đạt khá trở lên đạt 95,5%⁴.

d) Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

Thực hiện tốt công tác PCGDMNTNT trên địa bàn xã; đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn PCGDMNTNT. Kết quả kiểm tra kết quả cấp huyện, tỉnh: xã đã đạt được các điều kiện, tiêu chuẩn PCGDMNTNT, được công nhận duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT năm 2024.

Huy động trẻ MG 5 tuổi ra lớp: 87/87 cháu đạt 100%, trong đó: Trẻ học tại địa bàn: 59 trẻ; trẻ đi học nơi khác: 28 trẻ đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch giao

Số trẻ 5 tuổi học tại trường được đánh giá hoàn thành chương trình GDMN: 66/66 trẻ đạt 100% (59 trẻ trẻ tại địa bàn, 07 trẻ nơi khác đến học nhờ).

đ) Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Nhà trường đã duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Thông tư 19/2018.

e) Công tác tuyên truyền, xã hội hóa giáo dục

Thực hiện có hiệu quả việc huy động các nguồn lực trong và ngoài địa phương để xây dựng CSVC, cảnh quan nhà trường, tổ chức các hoạt động chăm sóc

³ Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 11/20 đạt 55%, cấp huyện: 4/20 đạt 20%; cấp tỉnh: 4/20 đạt 20%.

⁴ Xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng: có 02 CBQL tự đánh giá, xếp loại tốt đạt 100%. Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non: có 20 giáo viên tự đánh giá, xếp loại. Trong đó, đạt mức tốt 16/20 tỷ lệ 80%; khá 4/20 tỷ lệ 20%; đạt: 0.

– giáo dục trẻ và hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Kết quả huy động từ nguồn xã hội hóa giáo dục, vận động tài trợ là: 300.955.000đ, trong đó: hỗ trợ của các tổ chức cá nhân trị giá: 212.440.000đ; cha mẹ trẻ tài trợ cho giáo dục: 88.551.000đ. Ngoài ra huy động trên 700 công lao động của Bộ đội Trung đoàn 82, cha mẹ trẻ để xây dựng, cải tạo môi trường giáo dục.

g) Kết quả thi đua – khen thưởng

- Tập thể trường đạt danh hiệu: Tập thể lao động xuất sắc.

- Cá nhân: Chiến sĩ thi đua: 07 cá nhân; lao động tiên tiến: 22 cá nhân; UBND tỉnh tặng bằng khen: 02 cá nhân; UBND huyện khen: 02 cá nhân; có 01 cá nhân đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, 01 cá nhân đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba.

2.1.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Về huy động và duy trì số lượng trẻ

Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp học kỳ I còn chưa đảm bảo chỉ tiêu do nhiều trẻ còn nhỏ, gia đình chưa cho ra lớp; số lượng trẻ nhà trẻ, mẫu giáo chưa chủ chỉ tiêu (thiếu 04 trẻ) do trẻ đi học nhờ địa bàn khác.

b) Về chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên

Một số giáo viên chưa thực sự quan tâm đầu tư cho việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm phù hợp với bối cảnh địa phương; việc ứng dụng giáo dục Stem/Steam, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy còn chưa mạnh mẽ.

c) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Một số phòng học, phòng phụ trợ, công trình vệ sinh ở trung tâm và điểm trường Nà Lồm đã xuống cấp, thấm dột, lún nền, vỡ gạch lát nền do xây dựng đã lâu chưa được cải tạo, sửa chữa. Nhà vệ sinh điểm trường Hạ Thanh chưa đủ diện tích bình quân/trẻ.

Căn cứ thực trạng phát triển giáo dục của nhà trường năm học 2024 – 2025 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về nhiệm vụ năm học 2025-2026 của các cấp, Trường Mầm non Thanh Nưa xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

2.2. Thực trạng nhà trường năm học 2025 - 2026

a) Về cơ cấu tổ chức nhà trường

- Trường có 01 chi bộ độc lập với tổng số 20 đảng viên.

- Có Hội đồng trường với 07 thành viên.

- Cán bộ quản lý: 02 người, trong đó: 01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng.

- Có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng; tổ chuyên môn có tổ trưởng, tổ phó; tổ văn phòng có tổ trưởng.

b) Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Tổng số CB, GV, NV: 23 người, trong đó: CBQL: 02 người; Giáo viên: 19 người; nhân viên: 03 người; có 01 hợp đồng theo nghị định 111/2022; số lượng CBQL, GV, NV thiếu 01 người theo Quyết định giao biên chế.

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ: Đại học: 22; cao đẳng: 01; trung cấp: 01; chưa qua đào tạo: 01. 100% CBQL, GV có trình độ đào tạo đạt trên chuẩn.

c) Về quy mô trường/lớp, học sinh

- Trường có 01 điểm trường chính và 02 điểm trường lẻ là điểm trường Hạ Thanh và Nà Lồm.

- Có 09 lớp với 93 học sinh, trong đó: Nhà trẻ; 3 lớp với 65 học sinh; mẫu giáo: 07 lớp với 178 học sinh. Số trẻ nam: 97, nữ: 96; số trẻ dân tộc: 180, trong đó: nữ dân tộc: 90. Số lớp, học sinh chia theo khối lớp: Nhóm trẻ 24-36 tháng: 02 lớp với 36 trẻ; Nhóm trẻ ghép: 01 nhóm với 20 trẻ; MG 3-4 tuổi: 02 lớp với 36 trẻ; MG 4-5 tuổi: 2 lớp với 42 trẻ; MG 5-6 tuổi: 2 lớp với 59 trẻ.

d) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Trường có đủ phòng học phục vụ cho hoạt động dạy và học gồm: 09 phòng, trong đó: Kiên cố: 7, bán kiên cố: 02; tỷ lệ 01 phòng/lớp.

- Các điểm trường đều có cổng, biển tên; có hàng rào bao quanh; có sân chơi lát gạch hoặc láng xi măng; có khu vận động, vui chơi có mái che trải thảm cỏ với đồ chơi ngoài trời cho trẻ hoạt động.

- Trường có đủ các phòng học tập và phòng chức năng như: Phòng giáo dục nghệ thuật, phòng thư viện, phòng tin học-ngoại ngữ, văn phòng trường, phòng họp, phòng làm việc của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng; có bếp nấu ăn bán trú cho trẻ,...

- 9/9 lớp có đủ đồ dùng, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/2015/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT.

2.3. Thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên, của Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Thanh Nưa, phòng Văn hóa – Xã hội xã về mọi mặt; sự phối kết hợp của các ban ngành, đoàn thể, trưởng các thôn bản và sự ủng hộ của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa bàn xã.

- Nhận thức của cha mẹ và nhân dân trên địa bàn xã về giáo dục mầm non có nhiều chuyển biến tích cực, đa số cha mẹ và nhân dân đã quan tâm, ủng hộ để phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn xã, có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Đội ngũ giáo viên của nhà trường đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng với 100% có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn; đa số có năng lực, nghiệp vụ sư phạm vững vàng; có ý thức tự giác, lòng nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Hệ thống phòng học ở trung tâm và các điểm trường được đầu tư xây dựng kiên cố, bán kiên cố tại các địa điểm thuận tiện cho trẻ đến trường; môi trường giáo dục của nhà trường được quan tâm xây dựng; đồ dùng, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học ở trong tâm và các điểm trường, lớp học được trang bị đầy đủ, đáp ứng cho hoạt động dạy và học.

b) Khó khăn

- Trường nằm trên địa bàn xã biên giới, là xã thuần nông với trên 80% dân số thuộc dân tộc thiểu số, đời sống kinh tế của đại bộ phận người dân còn ở mức thấp, do vậy việc huy động các nguồn lực tại địa phương đóng góp để xây dựng và phát triển nhà trường còn hạn chế.

- Trường nằm tiếp giáp với Phường Điện Biên Phủ, có Trường mầm non Thanh Trường xây dựng ở điểm tái định cư khang trang, giao thông đi lại thuận tiện, nhiều gia đình cho con học trái tuyến nên ảnh hưởng tới việc thực hiện chỉ tiêu về số học sinh.

- Vị trí lãnh đạo quản lý, nhân viên của nhà trường còn thiếu theo theo vị trí việc làm quy định tại Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT.

- Tính chủ động, khả năng linh hoạt, sáng tạo trong đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo AI của một số giáo viên còn hạn chế.

- Trẻ nhà trẻ 0 - 2 tuổi, đặc biệt là trẻ dưới 18 tháng tuổi còn nhỏ, gia đình có người chăm sóc nên việc huy động trẻ ra lớp và đi học chuyên cần còn gặp nhiều khó khăn.

- Cơ sở vật chất của nhà trường có một số phòng học, nhà vệ sinh tại trung tâm và điểm trường xây dựng lâu ngày đã bị xuống cấp, thấm dột, bong nền,...chưa được sửa chữa.

IV. CHỈ TIÊU PHÂN ĐẤU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025– 2026

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục

1.1. Tham mưu, ban hành, triển khai các văn bản, chính sách phát triển giáo dục mầm non, bảo đảm các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN

Ban giám hiệu triển khai, quán triệt thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là các văn bản chỉ đạo, chính sách về giáo dục mầm non đảm bảo có hiệu quả, khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của năm học, của giai đoạn 2020 – 2025 và giai đoạn tiếp theo⁵. Triển khai thực hiện nghiêm túc văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp quản lý về thực hiện nhiệm vụ năm học.

⁵ Luật giáo dục năm 2019; Luật Nhà giáo số 73/2025/QH 15; Quyết định số 1705/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định 105/2020/NĐ-CP Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 24/2021/NĐ-CP quy định việc quản lý trong cơ sở GDMN và cơ sở GDPT công lập; Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung Chương trình GDMN; Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non; Thông tư 50/2020 ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ em mẫu giáo;...

Căn cứ vào văn bản Quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường để CBQL nhà trường ban hành các văn bản các bản hành chính về thực hiện nhiệm vụ năm học, các văn bản được cụ thể hóa phù hợp với mục tiêu nhiệm vụ và tình hình hình thực tế của nhà trường, của địa phương.

BGH chủ động phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức tại địa phương trong việc tham mưu với Cấp ủy, chính quyền địa phương ban hành các văn bản phát triển GDMN như: Thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ 3-5 tuổi theo Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội; đưa các chỉ tiêu về phát triển GDMN vào Nghị quyết, Chương trình, kế hoạch hoạt động của địa phương theo năm và giai đoạn 2021 – 2025 phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương như: chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN mới; thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 3, 4 tuổi; chuẩn bị các điều kiện để đề nghị công nhận lại trường đạt chuẩn mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ III.

1.2. Đổi mới quản lý giáo dục, cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường theo hướng phân cấp, phân quyền, dân chủ công khai, tự chủ gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình theo quy định tại Nghị định số: 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ về Quản lý, tổ chức các hoạt động trong cơ sở GDMN và cơ sở GDPT công lập.

Phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV đảm bảo đúng quy định về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp⁶ và phù hợp với năng lực, sở trường của mỗi cá nhân. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc giờ làm việc của giáo viên theo thông tư 48/2011; bố trí, sắp xếp công việc khoa học nhằm nâng cao hiệu quả, thời gian làm việc tại trường, giảm áp lực làm việc tại nhà. Đổi mới hình thức, nội dung hội họp, sinh hoạt chuyên môn, hội họp theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở GDMN trong bối cảnh mới; phát huy vai trò của cụm chuyên môn để nhân rộng kinh nghiệm quản lý GDMN; phát hiện, nhân rộng các mô hình quản lý hay, sáng kiến chuyển đổi số hiệu quả trong GDMN.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số vào công tác quản lý, tổ chức các hoạt động trong nhà trường; thực hiện ký số điện tử văn bản ban hành của nhà trường; ký số hồ sơ sổ sách điện tử trong quản lý, dạy học và lưu trữ hồ sơ đảm bảo tinh giản, hiệu quả.

Phát huy vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu gắn với trách nhiệm giải trình trong quản lý nhà trường. Phát huy vai trò của cụm chuyên môn để chỉ sê, học tập, nhân rộng mô hình quản lý hay, sáng tạo trong quản lý, quản trị nhà trường.

Triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ trong quản lý, chỉ đạo các hoạt động của nhà trường theo đúng Luật, văn bản quy định hiện hành và quy định về

⁶ Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

tiếp công dân⁷. Thực hiện nghiêm túc quy định về công khai trong cơ sở giáo dục đảm bảo đầy đủ, kịp thời⁸.

Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra nội bộ, đặc biệt là tăng cường kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của các cá nhân trong trường theo hướng đề cao vai trò đôn đốc, tư vấn thúc đẩy, hỗ trợ, tránh hình thức và tránh gây áp lực cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tăng cường giám sát, đôn đốc việc thực hiện kết quả sau kiểm tra.

2. Quy mô trường, lớp, huy động và duy trì số lượng trẻ

a) Chỉ tiêu

- Phân đầu huy đảm bảo chỉ tiêu về số lớp, số học sinh, tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt chỉ tiêu được giao, cụ thể: 09 lớp với 231 học sinh. Trong đó: NT: 03 lớp với 70 trẻ; MG 06 lớp với 161trẻ. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp: 100% đối với trẻ mẫu giáo và 56% đối với trẻ nhà trẻ.

- Duy trì số lượng trẻ đến cuối năm học đạt 100%.

- Duy trì tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt 95 - 98%.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục (PCGD) phối hợp với các trường TH, THCS trên địa bàn điều tra nắm bắt đầy đủ, chính xác thông tin về trẻ trong độ tuổi 0-5 tuổi tại 14/14 thôn bản trên địa bàn được phân công phụ trách, căn cứ số trẻ trong độ tuổi ở từng thôn bản, căn cứ chỉ tiêu được giao giao đề giao chỉ tiêu huy động số lượng trẻ cho từng giáo viên. Đưa chỉ tiêu về việc huy động và duy trì số lượng trẻ vào bộ tiêu chí đánh giá thi đua và tiêu chí đánh giá viên chức của năm học.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động cha mẹ cho trẻ 0 - 2 tuổi ra lớp, với trẻ nhà trẻ dưới 18 tháng tuổi, đầu năm học trẻ còn nhỏ chưa ra lớp giáo viên tiếp tục tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp trong năm học sao cho đến tháng 02/2026 đảm bảo chỉ tiêu được giao.

- Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; cải thiện môi trường giáo dục, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ CB, VC hướng tới sự hài lòng của cha mẹ trẻ.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho trẻ trẻ, huy động các nguồn vận động tài trợ hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để trẻ có điều kiện đến trường và đi học chuyên cần.

- Nhà trường chủ động tham mưu với Đảng ủy, UBND xã chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể thuộc xã, cán bộ thôn bản phối hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền, vận động các gia đình cho trẻ đến trường và đi học chuyên cần.

⁷ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số: 10/2022/QH15, ngày 10/11/2022 của Quốc hội; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GD&ĐT Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 04/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 Quy định quy trình tiếp công dân.

⁸ Thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Công tác đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

3.1. Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ; phòng chống và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh

a) Chỉ tiêu

- 100% số trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần ở trường.
- Trung tâm và 2/2 điểm trường, 9/9 nhóm lớp đảm bảo các tiêu chí của “Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích”.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Tổ chức triển khai, quán triệt thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định phòng chống bạo hành trẻ em⁹; xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích¹⁰, phòng chống xâm hại trẻ em trong nhà trường. Kế hoạch được xây dựng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường; việc triển khai thực hiện kế hoạch gắn với kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường trong năm học theo năm, tháng, tuần.

Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn giáo viên các biện pháp, kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ; giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an toàn cho trẻ em¹¹.

Trước khi bắt đầu năm học, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chí về an toàn, phòng chống tai nạn thương tích ở trung tâm và 02 điểm trường lẻ theo bảng kiểm ban hành kèm theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT nhằm kịp thời phát hiện các yếu tố, nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ để có kế hoạch chỉ đạo khắc phục trong năm học. Cuối năm học tổ chức đánh giá kết quả xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích tại trung tâm và các điểm trường làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thực hiện trong năm học tiếp theo.

Nhà trường thường xuyên tổ chức tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn của các lớp trong toàn trường nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục các yếu tố, nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ. Quan tâm hỗ trợ giáo viên trong việc thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn cho trẻ; xử lý nghiêm hoặc đề xuất xử lý đối với các cá nhân để xảy ra mất an toàn đối với trẻ.

Chỉ đạo giáo viên lồng ghép, tích hợp kiến thức pháp luật liên quan đến việc đảm bảo an toàn, phòng chống thiên tai cho trẻ em trong các hoạt động bồi dưỡng

⁹ Nghị định số 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

¹⁰ Quyết định số 1248/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030; Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN. Công văn số 423/BGDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 về việc phối hợp chỉ đạo công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN.

¹¹ Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề. Quan tâm tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ kỹ năng phòng, chống cháy nổ, đuối nước, lũ lụt, sạt lở đất,....

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, lực lượng tại địa phương xây dựng và chủ động, linh hoạt trong thực hiện các phương án phòng, chống và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

3.2. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em

a) Chỉ tiêu

- 100% số trẻ được khám sức khỏe theo chuyên khoa 1-2 lần/năm học, được theo dõi sức khỏe, cân đo định kỳ và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng.
- 100% số trẻ được uống vitamin, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh.
- Tổ chức cho 9/9 lớp với 100% số trẻ ăn bán trú tại trường.
- 100% số trẻ được đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 1,7%, trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 2,5%; không có trẻ duy dinh dưỡng thể gầy còm.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

*** Chăm sóc sức khỏe**

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác y tế trường học theo quy định¹². Phối kết hợp chặt chẽ với Trạm y tế xã Thanh Nưa triển khai các nhiệm vụ, biện pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, đánh giá tình trạng sức khỏe cho trẻ em; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong nhà trường.

Chỉ đạo nhân viên y tế kiểm tra sức khỏe và thực hiện cân đo trẻ theo quy định: trẻ nhà trẻ dưới 24 tháng: 1 lần/tháng; trẻ 24 tháng trở lên: cân theo quý (3 tháng/lần); trẻ suy dinh dưỡng cân 1 lần/tháng. Sử dụng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức y tế thế giới (Cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi và cân nặng theo chiều cao đối với trẻ 01-60 tháng, biểu BMI theo tuổi đối với trẻ 61-78 tháng và sổ sức khỏe để theo dõi sức khỏe, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ.

Chỉ đạo giáo viên đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì. Tăng cường lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ. Bảo đảm hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

Rà soát, bổ sung các thiết bị, đồ dùng, thuốc phục vụ cho hoạt động y tế trường học, đảm bảo mỗi điểm trường có 01 tủ thuốc với một số loại thuốc thiết yếu phục vụ sơ cấp cứu tại chỗ và chữa bệnh thông thường.

¹² Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT Quy định về công tác y tế trường học.

** Hoạt động nuôi dưỡng:*

Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức bếp ăn tập thể theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên¹³; các quy định, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong tổ chức bếp ăn tập thể¹⁴.

Tích cực tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ đóng góp dịch vụ ăn bán trú để tổ chức, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ tại trường. Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức công tác nuôi dưỡng theo quy định về số bữa ăn, nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp với độ tuổi của trẻ¹⁵.

Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn của trẻ ở trường; hợp đồng mua thực phẩm với cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh có đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm, giá cả ổn định, hợp lý. Ưu tiên sử dụng thực phẩm sạch, tươi, mới, sẵn có tại địa phương, sử dụng thực phẩm tươi sống luôn trong ngày, không sử dụng thực phẩm đông lạnh. Sử dụng nguồn nước máy đã qua kiểm định để chế biến ăn uống; sử dụng máy lọc nước cung cấp nước dùng để nấu ăn, đun nước uống cho trẻ khi trời lạnh.

Tăng cường các điều kiện bảo đảm tổ chức bữa ăn cho trẻ trong nhà trường¹⁶. Sắp xếp, bố trí bếp ăn theo quy trình một chiều; huy động các nguồn lực mua sắm, bổ sung đầy đủ thiết bị, đồ dùng phục vụ tổ chức ăn bán trú, đồ dùng cho nhân viên nấu ăn đảm bảo yêu cầu về điều kiện ATVSTP. Thực hiện chế độ kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn theo đúng quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ y tế.

Ban quản trị đời sống phối kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình tổ chức nấu ăn bán trú cho trẻ từ khâu mua, nhập, xuất lương thực, thực phẩm đến khâu chế biến và tổ chức bữa ăn cho trẻ đảm bảo đủ chất, đủ lượng, hợp vệ sinh an toàn thực phẩm. Công khai thực đơn tại Website theo quy định về công khai và công khai trực tiếp tại điểm trường; công khai định mức bữa ăn hàng ngày trên bảng tin của trường.

Chỉ đạo tổ chức bữa ăn học đường kết hợp hoạt động tăng cường thể lực cho trẻ theo tài liệu hướng dẫn kèm theo Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022. Thực hiện giáo dục dinh dưỡng và giáo dục thể chất vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

2.3. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, Đổi mới hoạt động giáo dục trẻ

a) Chỉ tiêu

¹³ Công văn số: 1702/SGDĐT-KHTC ngày 19/6/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên v/v Hướng dẫn tổ chức bếp ăn tập thể trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

¹⁴ Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; Công văn số 433/SGDĐT-GDTrH ngày 28/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục.

¹⁵ Công văn số 423/BGDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 về công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN.

¹⁶ Công văn số 404/BGDĐT-GDDT ngày 24/01/2024 về tăng cường, bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông.

- 100% số trẻ được học 2 buổi ngày theo Chương trình GDMN.
- Từ 50% trở lên trẻ mẫu giáo 4, 5 tuổi được làm quen với tiếng Anh.
- 94% trở lên số trẻ được đánh giá đạt các mục tiêu phát triển cuối độ tuổi.
- 80% trở lên số trẻ được công nhận đạt “Bé khỏe-bé ngoan”.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Tiếp tục triển khai thực hiện có chất lượng Chương trình GDMN và phát triển Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của nhà trường, của địa phương, khả năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ em, “lấy trẻ em làm trung tâm” và nhấn mạnh yếu tố đặc trưng văn hóa địa phương, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện Chương trình GDMN đối với các nhóm trẻ ghép.

Chỉ đạo giáo viên đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em theo Chương trình GDMN, chú trọng tổ chức thực hiện các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi, phương pháp giáo dục tiên tiến,...; đẩy mạnh tích hợp/lồng ghép “giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em”; bảo đảm điều kiện môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Tiếp tục đẩy mạnh việc lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: Giáo dục Quyền con người, quyền trẻ em; giáo dục giới; giáo dục an toàn giao thông theo định hướng của Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu,...Thực hiện áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương như: Stam/Steam trong thực hiện chương trình giáo dục.

Tiếp tục thực hiện Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số¹⁷ với các nội dung trọng tâm gồm: Nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp và xây dựng cảnh quan môi trường tăng cường tiếng Việt cho trẻ; nâng cao chất lượng các hoạt động nghe, nói, chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp một. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động tại góc thư viện của nhóm/lớp, phòng thư viện của nhà trường.

Quan tâm thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ. Kịp thời phát hiện sớm, can thiệp sớm; phối hợp thực hiện đúng việc cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật¹⁸ để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, giáo viên dạy lớp có trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

¹⁷ Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”; Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030”.

¹⁸ Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với trẻ em và giáo viên trực tiếp dạy trẻ khuyết tật học hòa nhập theo quy định.

Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ và cộng đồng về giáo dục hòa nhập đối với trẻ em và trẻ khuyết tật để đảm bảo cơ hội trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại cơ sở GDMN.

Chỉ đạo giáo viên dạy 02 lớp mẫu giáo 5 tuổi thực hiện chuẩn bị toàn diện các điều kiện cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng với Chương trình lớp một: Phối hợp với gia đình, cộng đồng phổ biến, tuyên truyền việc trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình GDMN bảo đảm điều kiện vào học lớp một; tăng cường giải pháp thực hiện hiệu quả hoạt động chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một; tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp một cho trẻ em 5 tuổi dưới mọi hình thức.

Tiếp tục liên kết, hợp đồng với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 1 tỉnh Điện Biên triển khai cho trẻ mẫu giáo 4, 5 tuổi tại trung tâm trường làm quen với tiếng Anh trên cơ sở nhu cầu đăng ký tự nguyện của phụ huynh và theo đúng quy định hiện hành¹⁹ và các văn bản Sở GD&ĐT đã ban hành. Đẩy mạnh tạo môi trường thực hành giao tiếp ngôn ngữ tiếng Anh thông qua bài hát, nghe kể truyện, đọc thơ, hoạt động thực hành, trải nghiệm. Thực hiện đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động làm quen tiếng Anh của trẻ mẫu giáo theo quy định của Bộ GD&ĐT²⁰.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, quản trị, tổ chức hoạt động chuyên môn trong nhà trường; phát triển kho học liệu số dùng chung nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN: mỗi giáo viên có ít nhất 01 học liệu số/tháng đưa vào kho tư liệu dùng chung của nhà trường.

Tăng cường chất lượng, hiệu quả các hoạt động phối hợp, hỗ trợ của cha mẹ/người chăm sóc trẻ và nhân dân trên địa bàn xã để nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

Tổ chức các hoạt động lễ hội, tham quan, trải nghiệm cho trẻ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương như: “Vui hội trăng rằm”; “Xuân gắn kết – tết đoàn viên”; tham quan, thăm hỏi động viên cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 741, Tiểu đoàn cảnh sát cơ động đóng quân trên địa bàn xã; tổ chức cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi tham quan trường tiểu học, tham quan các di tích lịch sử của Điện Biên.

Tập trung chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới từ năm học 2026-2027 theo hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT về: số lượng, trình độ đội ngũ nhà giáo, năng lực đội ngũ; các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, môi trường giáo dục cho trẻ em.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

¹⁹ Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo; Quyết

²⁰ Quyết định số 2088/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2025 của Bộ GD&ĐT về phê duyệt Tài liệu Đánh giá làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em 3-6 tuổi

a) Chỉ tiêu

- Có đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm.
- 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo; quy định về quy tắc ứng xử trong nhà trường.
- Duy trì 90% trở lên giáo viên dạy giỏi các cấp.
- 100% giáo viên hoàn thành kế hoạch BDTX.
- Có 100% CBQL, GV xếp loại chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên, trong đó xếp loại tốt đạt 40% trở lên.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Tham mưu với cấp có thẩm quyền bố trí đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm, đảm bảo 02 giáo viên/nhóm/lớp để thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình GDMN.

Chú trọng công tác phát triển năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong trường đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, chuẩn nghề nghiệp và đổi mới trong chuyên môn. Tăng cường quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo²¹, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương trẻ.

Triển khai có hiệu quả công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL, GV đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng dẫn của ngành giáo dục. Linh hoạt lựa chọn nội dung, hình thức bồi dưỡng cho đội ngũ phù hợp, đáp ứng yêu cầu, bối cảnh cụ thể của nhà trường nhằm thúc đẩy tinh thần học tập, chia sẻ giữa các tổ, nhóm, giáo viên trong trường, xây dựng “cộng đồng học tập” giữa các trường trong cụm chuyên môn và địa phương khác trong tỉnh. Phát huy vai trò của CBQL, GVMN cốt cán cấp tỉnh, cấp trường trong việc hỗ trợ, tư vấn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho đội ngũ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn lập kế hoạch, đổi mới nội dung, phương thức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên trong tổ theo hình thức “Nghiên cứu bài học”. Phối hợp với các trường mầm non trong cụm chuyên môn số 3 tổ chức sinh hoạt chuyên môn 2 lần/năm học để bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ, nội dung bồi dưỡng tập trung vào những vấn đề mới, khó mà đa số giáo viên còn lúng túng, vướng mắc.

Tổ chức thực hiện chương trình BDTX trong năm học theo kế hoạch đảm bảo nội dung và thời lượng²². Quản lý, giám sát chất lượng và hiệu quả tham gia học tập, bồi dưỡng của giáo viên. Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực về ứng dụng CNTT, CDS, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy; tạo điều kiện để CBQL và giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tự học và

²¹ Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ GD&ĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

²² Kế hoạch số 2184/KH-SGDĐT ngày 29/7/2025 của Sở GD&ĐT về Bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, CBQL cơ sở GDMN, GDPT năm học 2025-2026; Kế hoạch số .../KH-UBND Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Thanh Nưa về Bồi dưỡng, tập huấn chính trị hè năm 2025 cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS thuộc xã Thanh Nưa.

khai thác nguồn tài liệu, học liệu thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Đăng ký các lớp bồi dưỡng trực tuyến qua các ứng dụng học tập; tham khảo nguồn tài liệu, học liệu trên Internet tại các Website giáo dục,...

5. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi; chuẩn bị phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

a) Chỉ tiêu

- Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn đạt chuẩn PCGD cho trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi theo lộ trình.
- Duy trì đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm 2025.
- 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.
- Huy động 100% số trẻ 5 tuổi trên địa bàn ra lớp (trẻ thuộc đối tượng PC).
- 100% trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và các văn bản của Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT về phổ cập giáo dục²³.

Nhà trường chủ động tham mưu với UBND xã đưa chỉ tiêu hoàn thành phổ cập mẫu giáo và các chính sách phát triển GDMN vào văn kiện, nghị quyết của Đại hội Đảng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2025-2030 của địa phương; ban hành kế hoạch triển khai phổ cập mẫu giáo ở địa phương theo hướng dẫn, bố trí nguồn lực ưu tiên cho phổ cập giáo dục mẫu giáo; tăng cường đầu cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và sắp xếp, bổ sung giáo viên đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo; kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cấp xã theo quy định.

Tham mưu UBND xã ban hành các văn bản thực hiện phổ cập mẫu giáo trên địa bàn theo giai đoạn và của năm 2026. Phân công ổn định giáo viên phụ trách công tác phổ cập tại các thôn/bản; rà soát, đánh giá về việc huy động trẻ mầm non ra lớp (đặc biệt là trẻ mẫu giáo), các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các điều kiện khác để chuẩn bị các điều kiện thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo.

Phối kết hợp chặt chẽ với trường THCS, TH trên địa bàn trong việc điều tra, xử lý, cập nhật dữ liệu vào bộ phiếu điều tra chung của xã theo quy định. Tham mưu thực hiện công tác tự kiểm tra và công nhận duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT cấp xã, đề nghị kiểm tra, công nhận duy trì đạt chuẩn đối với cấp xã đảm bảo thời gian và quy trình theo quy định hiện hành.

Chỉ đạo giáo viên quan tâm đổi mới phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình GDPT 2018 nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng,

²³ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, Thông tư số 07/2016/TT-BGD&ĐT và Thông tư số 10/2025/TT-BGD&ĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GD&ĐT; Công văn số 2366/SGD&ĐT-GDTrH ngày 11/8/2025 v/v tiếp tục thực hiện công tác PCGD-XMC năm 2025.

chăm sóc, giáo dục trẻ mẫu giáo 5 tuổi; chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ trước khi bước vào học lớp 1.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 trong GDMN

a) Chỉ tiêu

- 100% CBQL, GV, NV biết ứng dụng CNTT, CDS trong thực hiện nhiệm vụ.
- 100% CBQL, GV, NV sử dụng chữ ký số và hồ sơ số sách điện tử.
- 100% trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi được làm quen với máy tính.
- 100% CBQL, GV, NV và học sinh được đồng bộ trên phần mềm CSDL.
- 100% học sinh được chi trả chế độ chính sách theo phương thức không dùng tiền mặt.
- Trường đáp ứng cơ bản (mức độ 2) về mức độ chuyển đổi số.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Tổ chức truyền truyền, phổ biến, triển khai kịp thời các văn bản về thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”²⁴ và các Chương trình, kế hoạch của Bộ, Tỉnh, xã²⁵.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công tác chuyển đổi số trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp giáo dục trẻ, phát triển năng lực số của đội ngũ nhà giáo, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Thực hiện sử dụng hồ sơ điện tử, quản lý hồ sơ số trong trường một cách linh hoạt và hiệu quả.

Xây dựng, phát triển và khai thác kho học liệu số chia sẻ dùng chung để thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo trong trường, mỗi giáo viên có ít nhất 01 sản phẩm học liệu số có chất lượng bổ sung vào kho học liệu số dùng chung của nhà trường như: bài giảng, phần mềm mô phỏng, trò chơi, học liệu mở,....

Thành lập tổ CNTT, CDS và thực hiện đề án 06 với những CBQL, GV có năng lực về CNTT; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS và thực hiện Đề án số 06 trong năm học với những nội dung cụ thể, thiết thực.

Nâng cao năng lực, trách nhiệm của CBQL, GV và giáo viên trong việc tiếp cận, làm quen với công nghệ mới, các nội dung, nhiệm vụ về ứng dụng

²⁴ Quyết định số: 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.

²⁵ Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non; Kế hoạch số 2611/KH-SGDĐT ngày 04/12/2020 về triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ngành GDĐT;...

CNTT&CDS, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), thực hiện Đề án 06. Tạo điều kiện để CBQL, GV tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao năng lực số, phát triển kỹ năng số cho đội ngũ để thực hiện quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số, đặc biệt là năng lực số hóa tài liệu, học liệu và nội dung giáo dục.

Tổ chức rà soát, đánh giá về các điều kiện đảm bảo, triển khai CNTT&CDS trong nhà trường (thiết bị, phần mềm, năng lực giáo viên). Huy động các nguồn lực để tăng cường, bổ sung các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT&CDS trong toàn trường; đề xuất UBND xã đầu tư kinh phí để xây dựng hạ tầng (phòng học kết nối số, thiết bị số, phòng họp trực tuyến...), trang bị máy tính phòng tin học, nâng cấp phần mềm cho trẻ làm quen với tin học, ti vi thông minh,... Có quy định về vận hành, duy trì các hệ thống các thiết bị CNTT trong nhà trường. Thường xuyên tu bổ, sửa chữa, bảo trì hệ thống các thiết bị CNTT như: Máy tính, máy chiếu, camera,... đang sử dụng tại trường.

Kịp thời rà soát, cập nhật dữ liệu về trẻ em, đội ngũ vào phần mềm cơ sở dữ liệu ngành <http://csdl.moet.gov.vn>; cập nhật dữ liệu phần mềm PCGD-XMC <http://pcgd.moet.gov.vn>; khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm trong quản lý nhà trường²⁶.

Phổ biến rộng rãi và hướng dẫn đội ngũ khai thác có hiệu quả hệ thống Website giáo dục²⁷. Quản lý và sử dụng có hiệu quả cổng thông tin điện tử của trường theo địa chỉ: <https://mnthanhnuu.huyendienbien.edu.vn>. Thực hiện nghiêm các quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng cổng thông tin điện tử²⁸.

Thành lập Ban biên tập và tổ kỹ thuật Trang thông tin điện tử của nhà trường có nhiệm vụ quản trị website của trường: viết tin bài, công khai các nội dung theo quy định về Công khai theo Thông tư số 09/2024, công khai theo Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở. Quản lý, kiểm duyệt chặt chẽ nội dung thông tin trước khi đăng tải.

Phổ biến, quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo mật, an ninh, an toàn thông tin trong quá trình đăng tải tin bài, tài liệu trên các trang thông tin điện tử, website của trường, mạng xã hội; quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Phát động phong trào thi đua ứng dụng CNTT&CDS, thực hiện Đề án 06 trong năm học góp phần đổi mới phương pháp dạy học; đưa kết quả ứng dụng CNTT&CDS vào tiêu chí thi đua, có hình thức động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân có sáng kiến, thành tích trong thực hiện.

7. Công tác quản lý chất lượng giáo dục

²⁶ Phần mềm quản lý trường học vnEdu; phần mềm vận hành Website; phần mềm quản lý tài sản; phần mềm kế toán; phần mềm Bumas quản lý ngân sách; phần mềm nghiệp vụ tính lương, phần mềm Pemis, kiểm định chất lượng giáo dục,...

²⁷ Cổng thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT: <http://moet.gov.vn>. Cổng thông tin điện tử của ngành GD&ĐT tỉnh DB: <https://www.dienbien.edu.vn>.

²⁸ Thông tư số: 37/2020TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Công văn số 2696/SGDĐT-QLCL ngày 02/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các quy định về quản lý, hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử.

7.1. Tổ chức hội thi, giao lưu, lễ hội

a) Chỉ tiêu

* Hội thi của học sinh:

- 80% trở lên số trẻ được công nhận đạt "Bé khỏe - Bé ngoan" tại các lớp.
- 100% các lớp tham gia Hội thi “Bé vui khỏe – Tài năng” cấp trường.
- Tham gia đạt kết quả cao trong Hội thi cấp xã (nếu có).

* Hội thi của giáo viên:

- Có 100% GV dự thi và đạt kết quả trong Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Nhà trường xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng năm học 2025-2026 trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT, Phòng VH-XH xã và tình hình thực tế của nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức, tham gia các hội thi, giao lưu trong năm học của giáo viên và học sinh phù hợp, hiệu quả, không chồng chéo, không gây căng thẳng, áp lực làm ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học của nhà trường. Đánh giá kết quả trung thực, không chạy theo thành tích.

Ban hành kế hoạch và tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo đúng quy định²⁹ đảm bảo có chất lượng, hiệu quả. Xây dựng kế hoạch tổ chức Hội thi “Bé vui khỏe – Tài năng” cấp trường theo quan điểm giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm”, tạo cơ hội cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, phát triển toàn diện.

Tích cực huy động các nguồn lực XHHGD để tổ chức các hội thi, giao lưu của trẻ; phối kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong việc tổ chức, tham gia các hội thi, giao lưu cấp trường, cấp xã.

7.2. Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt Chuẩn Quốc gia

a) Chỉ tiêu

Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2 sau 5 năm đánh giá công nhận lại.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Nhà trường chủ động, tích cực tham mưu với UBND xã đầu tư kinh phí tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị; bố trí đủ số lượng cán bộ quản lý theo quy định đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn³⁰.

Thành lập Hội đồng tự đánh giá, tổ chức tự đánh giá, lập báo cáo tự đánh giá dưới dạng báo cáo bổ sung; thu thập, bổ sung, lưu giữ thông tin minh chứng tự đánh giá theo quy định đầy đủ, khoa học trên phần mềm kiểm định chất lượng. Trình UBND

²⁹ Thông tư số 22/2029/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông.

³⁰ Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT Thông tư Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng và công nhận trường chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT, ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

xã đề nghị Sở GD&ĐT đánh giá ngoài để công nhận lại trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 sau 5 năm.

Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá và đánh giá ngoài. Triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo quy định.

8. Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu

a) Chỉ tiêu

- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị theo tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3.

- 9/9 nhóm/lớp có đủ đồ dùng, thiết bị dạy học, đồ chơi và học liệu tối thiểu theo VBHN số 01/2015.

- Huy động các nguồn lực XHH giáo dục để xây dựng và phát triển nhà trường từ 200 triệu đồng trở lên/năm học.

b) Biện pháp

- Nhà trường kiểm tra, rà soát thực trạng CSVC, đối chiếu với quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất tại các văn bản hiện hành³¹, đối chiếu với tình hình thực tế đáp ứng với quy mô phát triển của nhà trường để tham mưu UBND xã đầu tư kinh phí xây dựng, tu sửa, nâng cấp CSVC với những hạng mục lớn; sử dụng kinh cấp bù học phí và nguồn vận động tài trợ để sửa chữa những hạng mục nhỏ.

- Tổ chức rà soát, đề nghị mua sắm bổ sung đồ dùng, thiết bị, đồ chơi, học liệu, đồ chơi ngoài trời còn thiếu theo VBHN số 01/2015 đảm bảo các yêu cầu tại Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT. Kịp thời sửa chữa những đồ dùng, thiết bị hư hỏng nhẹ; loại bỏ, đề nghị thanh lý những đồ dùng, thiết bị hư hỏng nặng, không còn sử dụng được.

- Chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên khai thác, phát huy tối đa hiệu quả sử dụng CSVC, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có, tránh lãng phí. Phát động phong trào giáo viên, phụ huynh làm đồ dùng dạy học, đồ chơi, học liệu phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; ưu tiên làm những đồ dùng đồ chơi còn thiếu, chưa được cấp phát, phục vụ thiết thực trong các hoạt động giáo dục.

- Quan tâm xây dựng thư viện đạt chuẩn trong trường mầm non đặc biệt là đầu tư cơ sở vật chất, đề xuất bổ sung vị trí nhân viên thư viện hoặc bố trí giáo viên kiêm nhiệm công tác thư viện để đảm bảo điều kiện công nhận thư viện đạt chuẩn mức 2³².

- Nhà trường lập biên bản bàn giao tài sản, thiết bị cho từng nhóm lớp, cá nhân; chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm theo dõi tài sản của lớp vào sổ tài sản, xây dựng quy

³¹ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2020.

³² Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

định về quản lý tài sản, kiểm kê tài sản theo quy định. Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản tài sản của các cá nhân, bộ phận.

- Tích cực tuyên truyền vận động phụ huynh tham gia lao động, huy động các nguồn kinh phí, nhân lực từ công tác XHH giáo dục đề tu sửa CSVC, xây dựng cảnh quan trường lớp, sử dụng kinh phí hỗ trợ chi phí học tập để mua sắm đủ đồ dùng học tập cho trẻ. Thực hiện các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho trẻ em và hoạt động của nhà trường.

- Nhà trường tham mưu, báo cáo với chính quyền địa phương có phương án vận động các thôn, bản hỗ trợ trong việc thuê người làm công tác bảo quản cơ sở vật chất các điểm trường lẻ.

9. Công tác tuyên truyền về giáo dục mầm non và hội nhập quốc tế

a) Chỉ tiêu

- 100% phụ huynh được tuyên truyền về GDMN.
- 9/9 nhóm/lớp có Zalo nhóm với 98-100% phụ huynh tham gia.
- 9/9 nhóm/lớp có góc tuyên truyền được cập nhật thông tin thường xuyên.
- Mỗi lớp có ít nhất 01 tin bài truyền thông/tháng được đăng tải trên website hoặc Facebook của trường.
- 100% các lớp mẫu giáo thực hiện tích hợp Stem/Steam.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của Đảng, nhà nước, Chính phủ về đổi mới và phát triển GDMN; các quy định, chính sách mới ngành, địa phương, của nhà trường; Chương trình hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2025-2030, việc đổi mới Chương trình GDMN, các hoạt động và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; những hoạt động nổi bật của cấp học, của nhà trường; những tấm gương nhà giáo, phụ huynh tiêu biểu, gương người tốt, việc tốt, công tác XHH giáo dục của nhà trường, của địa phương,...

Xây dựng kế hoạch công tác truyền thông, tuyên truyền theo từng tháng, theo các chủ đề, chuyên mục trong năm học. Yêu cầu mỗi GV có ít nhất 01 tin bài/tháng về hoạt động của nhà trường, của giáo viên, phụ huynh và trẻ ở nhóm/lớp để đăng tải lên website, Facebook của trường.

Chỉ đạo CBQL, GV chủ động, đổi mới trong công tác truyền thông; xây dựng nội dung truyền thông của nhà trường, của các nhóm lớp đảm bảo phong phú về nội dung, hấp dẫn về hình thức, phù hợp với nhận thức của cha mẹ trẻ tại địa bàn công tác và được thay đổi thường xuyên theo tháng/chủ đề, mang tính thời sự, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và toàn xã hội cùng chung tay xây dựng và phát triển nhà trường.

Tổ chức đa dạng hình thức, kênh truyền thông như: Phối hợp với các cơ quan báo chí, bộ phận truyền thông của địa phương tăng cường thông tin, truyền thông về

công tác giáo dục của nhà trường. Xây dựng, sử dụng và phát huy hiệu quả của Website, Facebook của nhà trường trong tuyên truyền về các hoạt động của ngành, của nhà trường tới cha mẹ trẻ và cộng đồng.

CBQL, GV, NV trong trường thường xuyên theo dõi, tương tác, chia sẻ trang Fanpage “Ngành Giáo dục Điện Biên” để truyền truyền, phổ biến rộng rãi thông tin của ngành GD&ĐT theo địa chỉ [https:// Facebook.com/nganhgiaoducdienbien](https://Facebook.com/nganhgiaoducdienbien).

Hướng dẫn giáo viên nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiến tiến của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình GDMN như: Stem/Steam.

10. Huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính, tài sản

10.1. Quản lý và sử dụng tài chính

a) Chỉ tiêu

- Sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước cấp đảm bảo đạt 100% theo kế hoạch.
- 100% phụ huynh đóng góp dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục của nhà trường.
- Huy động các nguồn lực XHH giáo dục từ 200 triệu đồng/năm học.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Thực hiện đúng quy định về công tác quản lý tài chính theo quy định hiện hành³³. Tham mưu UBND cấp xã đảm bảo ngân sách thực chi cho nhà trường tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 37/2004/NQ-QH11 của Quốc hội, Luật Giáo dục 2019 và Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Tham mưu UBND xã bổ sung ngân sách chi thường xuyên cho nhà trường để đảm bảo chi cho hoạt động giảng dạy và học tập đạt tỷ lệ tối thiểu 19% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục.

Tiếp tục thực hiện chủ trương về tăng cường huy động các nguồn lực từ xã hội, cộng đồng đầu tư cho sự phát triển của nhà trường, xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà trường trong năm học. Thực hiện nghiêm túc

³³ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Luật Kế toán ngày 20/11/2015; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản, hướng dẫn quy định hiện hành có liên quan

các quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục³⁴. Tích cực kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường quan tâm, ủng hộ tài trợ nhà trường về nhân lực, vật lực, kinh phí để nâng cấp CSVC, mua sắm thiết bị, xây dựng môi trường giáo dục, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn,... Sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn hỗ trợ từ chương trình, dự án, tài trợ của các tổ chức, cá nhân cho nhà trường.

Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp và nguồn kinh phí thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường. Quản lý, sử dụng các nguồn ngân kinh phí đúng quy chế chi tiêu nội bộ. Thực hiện nghiêm túc công khai tài chính theo Thông tư 61/2017 và Thông tư 90/2018.

Thực hiện chính sách miễn học phí cho học sinh và các chế độ chính sách cho trẻ mầm non theo quy định hiện hành³⁵ gồm: Chế độ hỗ trợ bữa ăn trưa cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo; hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ mầm non đảm bảo đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị Quyết của HĐND tỉnh quy định danh mục các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục³⁶ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GD&ĐT, UBND xã về thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2025-2026³⁷. Chỉ đạo các lớp tổ chức họp phụ huynh học sinh để thống nhất các khoản thu, mức thu trên tinh thần tự nguyện; có sự thống nhất của Hội đồng giáo dục nhà trường, được Hội đồng trường thông qua. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện thu – chi theo quy chế, quyết toán thu chi và công khai phụ huynh học sinh vào cuối năm học.

10.2. Quản lý tài sản

a) Chỉ tiêu

- 100% tài sản công của nhà trường được quản lý, sử dụng đúng quy định.
- Không để thất thoát, hư hỏng tài sản do thiếu trách nhiệm quản lý, sử dụng.
- 100% tài sản được khai thác hiệu quả, phục vụ tối đa cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Thực hiện kiểm kê, báo cáo quyết toán tài sản công quy định.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

³⁴ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

³⁵ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 13/5/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; Nghị định 238/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

³⁶ Nghị Quyết số: 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

³⁷ Công văn số: 2642/SGDĐT-KHTC ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên v/v thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2025-2026; Công văn số: 392/UBND-VHXX ngày 09 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Thanh Nưa v/v thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2025-2026.

Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công; niêm yết công khai để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm bắt, thực hiện.

Thực hiện mua sắm, sửa chữa, thanh lý tài sản theo đúng quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng thẩm quyền. Lập kế hoạch xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp CSVC, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học với những hạng mục nhỏ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, đầu tư những hạng mục lớn kết hợp với việc chủ động huy động các nguồn hỗ trợ từ công tác XHH giáo dục.

Thực hiện bàn giao tài sản cho các cá nhân quản lý vào đầu năm học, quy định rõ trách nhiệm đến từng cá nhân trong quá trình khai thác, sử dụng và bảo quản CSVC, thiết bị dạy học.

Chỉ đạo việc theo dõi, cập nhật tài sản vào phần mềm kế toán; tổ chức kiểm kê tài sản vào cuối năm hành chính (tháng 12/2025) và cuối năm học (tháng 5/2026). Thực hiện thanh lý và đề nghị thanh lý tài sản hết niên hạn sử dụng không còn sử dụng được theo đúng quy định hiện hành.

11. Công tác kiểm tra nội bộ trường học

a) Chỉ tiêu

- 33% giáo viên được kiểm tra toàn diện, 100% xếp loại khá trở lên.
- 100% CB, GV, NV được kiểm tra chuyên đề, kết quả kiểm tra xếp loại khá trở lên.
- Kiểm tra 100% các tổ chuyên môn, bộ phận trong nhà trường, xếp loại khá trở lên.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát trong nhà trường gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ; đề cao vai trò đôn đốc, giám sát, tư vấn thúc đẩy, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho đội ngũ; chú trọng kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ được giao của mỗi cá nhân.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trong năm học, cụ thể hóa theo từng tháng với nội dung, thời điểm, đối tượng, thành phần kiểm tra phù hợp. Lựa chọn nội dung kiểm tra tập trung vào những vấn đề mà nhà trường, CBQL, giáo viên còn hạn chế, vướng mắc và những nội dung mới triển khai trong năm học như: Công khai trong cơ sở giáo dục; Giáo dục an toàn giao thông; Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; giáo dục Stam/Steam,...

Lựa chọn cá nhân tham gia kiểm tra là CBQL, GV, NV có năng lực về chuyên môn nghiệp vụ, có khả năng đánh giá, tư vấn các nội dung kiểm tra. Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn cho các thành viên trong tổ kiểm tra nội bộ về cách kiểm tra, đánh giá, xếp loại để đánh giá đúng, thực chất việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi giáo viên, nhân viên. Kịp thời công khai kết quả sau kiểm tra.

Tổ chức kiểm tra đúng quy trình, đúng kế hoạch, kịp thời rút kinh nghiệm những tồn tại, hạn chế, có biện pháp tư vấn, thúc đẩy nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

11. Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua

11.1. Chỉ tiêu

a) Danh hiệu thi đua

- Danh hiệu thi đua của trường:
 - + Tập thể lao động tiên tiến
 - + Tập thể lao động xuất sắc
- Danh hiệu thi đua của cá nhân:
 - + Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 06 cá nhân.
 - + Lao động tiên tiến: 23 cá nhân

b) Khen thưởng:

- Tập thể:
 - + Giấy khen của UBND xã.
 - + Bằng khen của UBND tỉnh.
- Cá nhân:
 - + Giấy khen của Sở GD&ĐT: 01 cá nhân
 - + Giấy khen của UBND xã: 02 cá nhân
 - + Bằng khen của UBND tỉnh: 01 cá nhân.
 - + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 01 cá nhân.

11.2. Nhiệm vụ và giải pháp

Nhà trường tổ chức, quán triệt sâu sắc cho đội ngũ tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc; triển khai kịp thời văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp về công tác thi đua, khen thưởng³⁸.

Thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng của nhà trường, xây dựng kế hoạch và tổ chức phát động phong trào thi đua của năm học tới toàn thể CBQL, GV, NV trong trường. Xây dựng chương trình, kế hoạch, cụ thể hóa các nội dung thi đua theo 04 đợt trong năm học. Hội đồng thi đua, khen thưởng thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, thực hiện sơ kết, tổng kết sau mỗi đợt thi đua.

Tổ chức các phong trào thi đua chuyên đề gắn với các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt tạo phong trào thi đua sâu rộng, sôi nổi trong toàn trường, trong đó tập trung tổ chức hiệu quả, sáng tạo các phong trào thi đua trọng tâm của năm học³⁹ góp phần tạo sức lan toả mạnh mẽ, khí thế thi đua sôi nổi và

³⁸ Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 26/12/2024 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới; Chỉ thị số 39/CT-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội thi đua yêu nước lần thứ XI; Chỉ thị số 317/CTUBND ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh về Phát động phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2025; Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Công văn số 2584/HD-SGDĐT ngày 28/8/2025 của Sở GD&ĐT Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng năm học 2025-2026.

³⁹ Phong trào thi đua: "Toàn ngành Giáo dục thi đua đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước" giai đoạn 2025 – 2030; "Cả nước

rộng trong toàn trường, đề phong trào thi đua trở thành phong trào, hành động thiết thực thúc đẩy sự phát triển của nhà trường. Thi đua thực hiện hiệu quả chủ đề năm học 2025 - 2026 “*Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển*” với 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến; kịp thời biểu dương, khen thưởng, đề xuất khen thưởng những cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong các phong trào thi đua. Thông qua các phong trào thi đua, kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến để động viên, biểu dương, khen thưởng, tạo không khí thi đua sôi nổi, cổ vũ các tập thể, cá nhân phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà trường, của xã, của ngành. Tận dụng sức mạnh của Internet, nền tảng số để lan tỏa hiệu ứng xã hội tích cực và sâu rộng trong ngành GDĐT và trong xã hội.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác khen thưởng đảm bảo khen thưởng đúng người, đúng việc, đúng thành tích, chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch. Xây dựng bộ tiêu chí thi đua để đánh giá chính xác kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của mỗi cá nhân, làm căn cứ xét và đề xuất thi đua, khen thưởng.

Hội đồng thi đua khen thưởng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phong trào thi đua của mỗi cá nhân; thực hiện sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua đánh giá hiệu quả, kịp thời đúc rút kinh nghiệm; tổ chức bình xét thi đua đảm bảo công bằng, dân chủ, khách quan.

Trên đây là Kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2025 -2026 của Trường Mầm non Thanh Nưa. CBQL,GV, NV Trường mầm non Thanh Nưa căn cứ kế hoạch này để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học theo lĩnh vực, công việc được phân công đảm bảo có hiệu quả, chất lượng, đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Chi bộ (để b/c);
- CBQL,GV,NV thuộc trường;
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Hường

chung tay xây dựng nông thôn mới”; “Vì người nghèo, không để ai bỏ lại phía sau”; “*Cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025*”; Phong trào “*Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số góp phần đưa đất nước vươn mình bước vào kỷ nguyên giàu mạnh và thịnh vượng*”; Phong trào “*Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập*”; Phong trào thi đua “*Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*” và Phong trào “*Bình dân học vụ số*” của ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2025-2030; phong trào thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030; Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Điện Biên lần thứ VI (2025 - 2030); Đại hội Thi đua yêu nước ngành Giáo dục lần thứ VIII - năm 2025 và các sự kiện kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng, đất nước, dân tộc; kỷ niệm 80 năm thành lập Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo).

KHUNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG 2025-2026

(Kèm theo kế hoạch số: /KH-MNTN ngày 12/9/2025 của Trường
Mầm non Thanh Nua)

Tháng	Nhiệm vụ trọng tâm	Mốc thời gian HT	Điều chỉnh bổ sung
8	- Trả phép hè 2025. - Phân công nhiệm vụ năm học cho CBQL, GV, NV. - Tổ chức bàn giao tài sản cho các lớp, cá nhân. - Thực hiện tuyển sinh đợt 2. - Tham gia bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè 2025. - Rà soát, đánh giá trường học an toàn, PCTNTT. - Lao động, vệ sinh, chuẩn bị CSVC cho năm học mới - Xây dựng, đánh giá thẩm định, ban hành chương trình giáo dục nhà trường. - Lựa chọn đồ chơi, học liệu, tài liệu được sử dụng trong nhà trường năm học 2025-2026.	01/8 01/8 07/8 16/8 20/8 25/8 28/8 29/8 29/8	
9	- Tổ chức khai giảng năm học mới. - Phát động, tổ chức phong trào thi đua đợt 1. - Họp phụ huynh học sinh đầu năm học. - Khảo sát nhu cầu phụ huynh cho trẻ LQ tiếng Anh - Cân đo kiểm tra sức khỏe cho trẻ đợt 1. - Đánh giá sự phát triển của trẻ MG cuối chủ đề 1. - Điều tra phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi. - Kiểm tra, rà soát các chế độ chính sách cho HS. - Cập nhật phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia. - Hội nghị cán bộ, VC, NLĐ năm học 2025-2026. - Cập nhật phần mềm, hoàn thiện hồ sơ phổ cập GD. - Đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ cuối giai đoạn.	05/9 05/9 10/9 10/9 12/9 19/9 20/9 20/9 25/9 26/9 30/9 30/9	
10	- Tổ chức học Tiếng Anh cho trẻ MG 4,5 tuổi. - Tổ chức Tết trung thu cho học sinh năm 2025. - Đăng ký sáng kiến, đề tài NCKH. - Đánh giá sự phát triển của trẻ MG cuối chủ đề 2. - Phối hợp y tế xã khám theo chuyên khoa cho trẻ. - Kiểm tra kết quả PCGDMTNT cấp xã. - Đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ cuối giai đoạn	01/10 06/10 10/10 17/10 24/10 24/10 31/10	

11	- Đánh giá sự phát triển của trẻ MG cuối chủ đề 3. - Sinh hoạt chuyên môn cấp cụm. - Tổ chức kỷ niệm 43 năm ngày nhà giáo VN 20/11. - Sơ kết thi đua đợt 1, phát động thi đua đợt 2. - Tự đánh giá về kiểm định chất lượng. - Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường.	07/11 07/11 20/11 28/11 28/11 28/11	
12	- Đánh giá sự phát triển của trẻ MG cuối chủ đề 4. - Cân đo, kiểm tra sức khỏe cho trẻ đợt 2. - Chuẩn bị cho kiểm tra duy trì đạt chuẩn PCGDMTNT cấp tỉnh. - Kiểm tra chất lượng trẻ cuối học kỳ I. - Đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ cuối giai đoạn - Kiểm kê tài sản cuối năm. - Chuẩn bị cho đánh giá ngoài.	05/12 10/12 20/12 31/12 31/12 27/12 31/12	
01	- Đánh giá sự phát triển của trẻ MG cuối chủ đề 5. - Tổ chức sơ kết học kỳ I. - Tái giảng học kỳ II . - Đón đoàn đánh giá ngoài của Sở GD&ĐT - Kiểm tra, rà soát hồ sơ chế độ học sinh tháng 1-5/2025. - Đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ cuối giai đoạn.	09/01 09/01 12/01 20/01 20/01 30/01	
02	- Tổ chức hội thi “Bé vui khỏe- Tài năng” cấp trường. - Kiểm tra chất lượng trẻ MG cuối chủ đề 6. - Tổ chức “Tuần lễ dinh dưỡng cho trẻ” kết hợp trải nghiệm “Xuân gắn kết – Tết đoàn viên”. - Nghi tết nguyên đán năm 2026 - Đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ cuối giai đoạn.	06/02 06/02 11/02 12-22/02 27/02	
3	- Tổ chức ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 - Kiểm tra sức khỏe, cân đo trẻ đợt 3. - Sinh hoạt chuyên môn cấp cụm. - Đánh giá sự phát triển của trẻ MG cuối chủ đề 7. - Sơ kết thi đua đợt 3, phát động thi đua đợt 4. - Đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ cuối giai đoạn.	08/3 10/3 20/3 27/3 31/3 31/3	

4	- Chấm sáng kiến cấp trường. - Nộp hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp xã. - Đánh giá sự phát triển của trẻ MG cuối chủ đề 8. - Tham gia hội thi của trẻ cấp xã. - Đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ cuối giai đoạn - Tự kiểm tra, đánh giá trường học AT, PCTNTT. - Đánh giá môi trường giáo dục xanh, an toàn, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm.	15/4 18/4 17/4 17/4 29/4 29/4 29/4	
5	- Đánh giá chất lượng trẻ cuối năm, kiểm tra công nhận bé khỏe bé ngoan. - Đánh giá, xếp loại Chuẩn HT, PHT, chuẩn nghề nghiệp GVMN. - Đánh giá, xếp loại viên chức. - Đánh giá sự phát triển của trẻ MG cuối chủ đề 9. - Kết thúc chương trình GD. - Đánh giá chương trình giáo dục nhà trường. - Bình xét thi đua của tập thể, cá nhân. - Tổng kết năm học. - Tuyển sinh đợt 1 năm học 2026-2027 - Kiểm kê tài sản cuối năm học.	09/5 15/5 20/5 22/5 22/5 22/5 23/5 27/5 27/5 31/5	
6+7	- Hoàn thiện hồ sơ thi đua nộp khối thi đua - Bảo vệ cơ sở vật chất, tài sản trong hè. - Xây dựng, tu sửa CSVC chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới. - CBQL, GV tham gia học các lớp bồi dưỡng trong hè	05/6 31/7 31/7 31/7	